TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hnh phúc**

Bản án số: 148/2018/DS-ST
Ngày: 30/5/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nghiệp Hồng.

2. Bà Dương Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2017/TLST-DS ngày 17/10/2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-DS ngày 17/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-DS ngày 09/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ trụ sở: đường L, phường H, Quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: đường T, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T và ông K là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018).

Ông T, ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: chung cư C, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2017 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T, ông K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/3/2013, ông Phạm Văn H ký kết Hợp đồng tín dụng số HCM/13/0447/HĐTD với Ngân hàng TMCP V (viết tắt là "Ngân hàng") vay số tiền là 45.000.000 đồng, lãi suất 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay để sửa chữa nhà. Theo thỏa

thuận trong hợp đồng, ông H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc hàng tháng là 1.250.000 đồng và tiền lãi theo quy định được hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền cho ông H, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được 09 kỳ với số tiền trả nợ gốc là 11.250.000 đồng và tiền lãi là 5.955.000 đồng. Kể từ ngày 12/12/2013, ông H không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Tính đến ngày 30/5/2018, ông Phạm Văn H còn nợ Ngân hàng số tiền 77.328.281 đồng, trong đó, nợ gốc là 33.750.000 đồng, lãi trong hạn là 29.052.188 đồng, lãi quá hạn là 14.526.094 đồng.

Ngày 28/3/2013, Ngân hàng và ông Phạm Văn H tiếp tục ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, theo đó, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông H với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là 2,99%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Phạm Văn H đã sử dụng số tiền nợ gốc tính đến ngày quá hạn 21/3/2014 là 13.825.881 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày khởi kiện, ông Phạm Văn H đã thanh toán cho Ngân hàng 07 lần với tổng số tiền là 5.470.000 đồng. Kể từ ngày 22/11/2013 ông H không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào.Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 21/3/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/5/2018, ông Phạm Văn H còn nợ Ngân hàng số tiền 45.491.849 đồng, trong đó, nợ gốc là 13.825.881 đồng, lãi trong hạn là 21.110.646 đồng, lãi quá hạn là 10.555.323 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền của cả hai khoản nợ tính đến ngày 30/5/2018 tổng cộng là 77.328.281 đồng + 45.491.849 đồng = 122.820.130 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Phạm Văn H còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/5/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số HCM/13/0447/HĐTD ngày 08/3/2013 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/3/2013.

Ngân hàng chỉ cho cá nhân ông Phạm Văn H vay tiền, không liên quan đến người khác, do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do ông Nguyễn Văn T và ông K làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời ông K nộp bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn H phải thanh toán số tiền của cả 02 khoản nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 30/5/2018 tổng cộng là 122.820.130 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông H còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 31/5/2018 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn mà ông H đã thỏa thuận với Ngân hàng.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án chưa thực hiện đúng một số thủ tục về thời gian giao các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn H trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Phạm Văn H có hộ khẩu thường trú tại chung cư C, Phường M, Quận N và thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Bị đơn hiện cư trú tại Quận 11 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do ông Nguyễn Văn T và ông K làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông H đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

3.1 Đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/13/0447/HĐTD ngày 08/3/2013:

Việc ký kết Hợp đồng tín dụng số HCM/13/0447/HĐTD giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn H vào ngày 08/3/2013 là tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng tín dụng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng đã giải ngân theo khế ước nhận nợ số: 01 ký cùng ngày, ông H đã nhận đủ 45.000.000 đồng số tiền vay. Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được 09 kỳ với số tiền trả nợ gốc là 11.250.000 đồng và tiền lãi là 5.955.000 đồng. Kể từ ngày 12/12/2013, ông H không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Vì vậy từ ngày 12/12/2013, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông H sang nợ quá hạn theo quy định trong Hợp đồng tín dụng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán khoản tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng là có căn cứ. Tính đến ngày 30/5/2018, ông Phạm Văn H còn nợ Ngân hàng số tiền

77.328.281 đồng, trong đó, nợ gốc là 33.750.000 đồng, lãi trong hạn là 29.052.188 đồng, lãi quá hạn là 14.526.094 đồng.

3.2 Đối với Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/3/2013:

Căn cứ Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/3/2013 giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định ông Phạm Văn H được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 324-P-530638 hạn mức 15.000.000 đồng. Sau khi cấp thẻ, ông H đã sử dụng thẻ với số tiền nợ gốc tính đến ngày quá hạn 21/3/2014 là 13.825.881 đồng. Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng 07 lần với tổng số tiền là 5.470.000 đồng. Kể từ ngày 22/11/2013 ông H không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào. Từ ngày 21/3/2014, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông H sang nợ quá hạn theo quy định được hai bên thỏa thuận tại Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Theo quy định tại Điều 91, Điều 93, Khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng TMCP V là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, Ngân hàng và ông H được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại Điều 19, Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ông H có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ. Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được 5.470.000 đồng, còn nợ lại 13.825.881 đồng. Căn cứ vào Điều 2 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP V, do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán khoản tiền nợ gốc còn lại là 13.825.881 đồng là có căn cứ.

Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: "Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ".

"Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn".

Ngày 22/11/2013 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 21/3/2014, Ngân hàng xác định ông H không trả nợ đúng hạn và số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 4 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 21/3/2014 đến ngày 30/5/2018 với số tiền 31.665.968 đồng là có căn cứ.

Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn H nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình, cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không có cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu,

chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Phạm Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền của cả 02 khoản nợ tính đến ngày 30/5/2018 tổng cộng là 122.820.130 đồng, trong đó, khoản nợ của Hợp đồng tín dụng là 77.328.281 đồng và khoản nợ thẻ tín dụng là 45.491.849 đồng. Ông H còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 31/5/2018 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà ông H đã thỏa thuận với Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP V là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Văn H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Ông Phạm Văn H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 22 Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ- NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu ông Phạm Văn H trả nợ.

2. Buộc ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2018 là 122.820.130 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi nghìn một trăm ba mươi đồng), trong đó, khoản nợ của Hợp đồng tín dụng là 77.328.281 đồng và khoản nợ thẻ tín dụng là 45.491.849 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả tiền lãi tiếp tục phát sinh tính từ ngày 31/5/2018 cho đến khi trả hết khoản nợ theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số HCM/13/0447/HĐTD ngày 08/3/2013 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/3/2013 được ký giữa ông Phạm Văn H và Ngân hàng TMCP V.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn H phải chịu án phí là 6.141.007 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm lẻ bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.600.521 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004511 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 30 tháng 5 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Nguyệt;
2. Ông Trần Nghiệp Hồng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 219/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (VP Bank); địa chỉ trụ sở: 89 đường Láng H, phường Láng H, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng 9, số 1-1A-2 đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T và ông K là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018).

2. Bị đơn: Ông PHm Văn H, sinh năm 1977;
Địa chỉ: chung cư C, Phường M, Quận N;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu ông PHm Văn H trả nợ.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc ông PHm Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2018 là 122.820.130 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi nghìn một trăm ba mươi đồng), trong đó, khoản nợ của Hợp đồng tín dụng là 77.328.281 đồng và khoản nợ thẻ tín dụng là 45.491.849 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông PHm Văn H có nghĩa vụ trả tiền lãi tiếp tục phát sinh tính từ ngày 31/5/2018 cho đến khi trả hết khoản nợ theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số HCM/13/0447/HĐTD ngày 08/3/2013 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng VPBank ngày 28/3/2013 được ký giữa ông PHm Văn H và Ngân hàng TMCP V.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông PHm Văn H phải chịu án phí là 6.141.007 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm lẻ bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.600.521 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004511 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 10 phút, ngày 30 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phúc